



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
VIỆT TÍN**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban điều hành	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-29
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Chủ tịch
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Thế Long	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2013
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2013
Ông Vũ Thế Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hồ Bảo Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2013

TM. Ban Điều hành

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ronald Nguyễn Anh Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:

Như trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số 5, giá trị ghi sổ của chứng khoán chưa niêm yết tại thời điểm 30/06/2013 là 14.752.500.000 đồng. Do không xác định được giá thị trường tại thời điểm 30/06/2013, nên Công ty không có cơ sở để đánh giá mức độ giảm giá của các chứng khoán làm căn cứ trích lập dự phòng. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi cũng không đủ cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên và xác định ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2013 của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng như mô tả ở đoạn trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành về Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên



Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		104.466.762.873	106.219.991.520
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	17.295.190.397	15.527.163.333
111	1. Tiền		17.295.190.397	15.527.163.333
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.779.876.800	14.782.372.100
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.782.372.100	14.782.372.100
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.495.300)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	71.983.741.397	61.023.534.500
131	1. Phải thu của khách hàng		300.000.000	300.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		22.643.805.774	22.638.385.174
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		4.190.000.000	2.841.500.000
138	5. Các khoản phải thu khác		45.059.935.623	35.453.649.326
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(210.000.000)	(210.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		407.954.279	14.886.921.587
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		213.000.006	127.138.420
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		41.728.605	41.728.605
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	153.225.668	14.718.054.562
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.052.323.352	36.558.472.361
220	II. Tài sản cố định		834.095.119	1.158.571.225
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	458.373.712	594.119.360
222	- Nguyên giá		3.930.336.468	4.687.160.921
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.471.962.756)	(4.093.041.561)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	375.721.407	564.451.865
228	- Nguyên giá		1.971.239.400	1.971.239.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.595.517.993)	(1.406.787.535)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	3.741.714.754	3.741.714.754
258	4. Đầu tư dài hạn khác		5.340.000.000	5.340.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.598.285.246)	(1.598.285.246)
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.476.513.479	31.658.186.382
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	29.520.080.000	30.701.752.903
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	864.736.039	864.736.039
268	4. Tài sản dài hạn khác		91.697.440	91.697.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		139.519.086.225	142.778.463.881

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.782.378.406	6.962.149.042
310	I. Nợ ngắn hạn		6.782.378.406	6.962.149.042
312	2. Phải trả người bán		366.070.911	516.250.096
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	62.554.414	26.792.095
315	5. Phải trả người lao động		134.493.359	167.397.438
316	6. Chi phí phải trả		-	29.109.465
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	6.153.375.538	6.210.446.615
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		65.884.184	12.153.333
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		132.736.707.819	135.816.314.839
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	132.736.707.819	135.816.314.839
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.263.292.181)	(2.183.685.161)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		139.519.086.225	142.778.463.881

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		30.022.140.000	45.373.080.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		25.645.460.000	40.485.780.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		25.645.460.000	40.485.780.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		10.000.000	10.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		10.000.000	10.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		2.292.800.000	4.877.300.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		2.292.800.000	4.877.300.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		2.073.880.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		2.073.880.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		3.117.150.000	3.379.480.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		3.117.150.000	3.379.480.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.117.150.000	3.379.480.000

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Thanh Hải



Nguyễn Thị Năm



Ronald Nguyễn Anh Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	1.371.517.972	4.396.956.236
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		992.605.369	4.325.465.458
01.9	Doanh thu khác		378.912.603	71.490.778
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	1.371.517.972	4.396.956.236
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	2.840.314.982	2.492.355.153
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(1.468.797.010)	1.904.601.083
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	1.610.810.010	1.957.873.787
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.079.607.020)	(53.272.704)
31	8. Thu nhập khác		-	175.615.474
40	10. Lợi nhuận khác		-	175.615.474
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.079.607.020)	122.342.770
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	-	30.585.693
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.079.607.020)	91.757.077
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	(223)	7

Người lập



Phạm Thị Thanh Hải

Kế toán



Nguyễn Thị Năm

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ronald Nguyễn Anh Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(3.079.607.020)	122.342.770
02	- Khấu hao tài sản cố định		324.476.106	508.601.537
03	- Các khoản dự phòng		2.495.300	150.000.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(378.912.603)	(278.868.629)
06	- Chi phí lãi vay		-	372.045.045
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.131.548.217)	874.120.723
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.395.378.003)	(876.449.980)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		-	(186.000.000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(179.770.636)	4.133.599.283
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.095.811.317	(280.617.455)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(372.045.045)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(21.556.151)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.000.000.000	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(382.664.584)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.389.114.461	2.888.386.791
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(53.486.873)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		378.912.603	248.282.918
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		378.912.603	194.796.045
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	275.212.656
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	275.212.656

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.768.027.064	3.358.395.492
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		15.527.163.333	8.635.449.081
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	17.295.190.397	11.993.844.573

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Thanh Hải



Nguyễn Thị Năm



Ronald Nguyễn Anh Đạt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.183.685.161)	(3.079.607.020)	-	(5.263.292.181)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	135.816.314.839	(3.079.607.020)	-	132.736.707.819

6 tháng đầu năm 2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.848.629.466	91.757.077	-	1.940.386.543
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	139.848.629.466	91.757.077	-	139.940.386.543

Người lập



Phạm Thị Thanh Hải

Kế toán



Nguyễn Thị Năm

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2013

Chức tịch Hội đồng quản trị



Ronald Nguyễn Anh Đạt



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VIỆT TÍN
QUẬN HOÀN KIẾM
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng.

2.7 Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13 Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u> VND
Của người đầu tư	46.899.040	472.927.148.000
- Cổ phiếu	46.899.040	472.927.148.000
	<u>46.899.040</u>	<u>472.927.148.000</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	16.699.815.377	12.482.375.374
Tiền gửi ngân hàng	13.186.330	26.078.807
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	582.188.690	3.018.709.152
	<u>17.295.190.397</u>	<u>15.527.163.333</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			14.782.372.100	14.782.372.100	4.381.600	-	2.495.300	-	14.784.258.400	14.782.372.100
Chứng khoán niêm yết	-	-	29.872.100	29.872.100	4.381.600	-	2.495.300	-	31.758.400	29.872.100
- Cổ phiếu lẻ			29.872.100	29.872.100	4.381.600	-	2.495.300	-	31.758.400	29.872.100
Chứng khoán chưa niêm yết	723.550	723.550	14.752.500.000	14.752.500.000	-	-	-	-	14.752.500.000	14.752.500.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Huế	640.050	640.050	14.150.000.000	14.150.000.000	-	-	-	-	14.150.000.000	14.150.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh	73.500	73.500	416.500.000	416.500.000	-	-	-	-	416.500.000	416.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.000	10.000	186.000.000	186.000.000	-	-	-	-	186.000.000	186.000.000
			14.782.372.100	14.782.372.100	4.381.600	-	2.495.300	-	14.784.258.400	14.782.372.100

Do không xác định được giá trị trường tại thời điểm 30/06/2013, Công ty không có cơ sở để đánh giá mức độ tăng/ giảm giá trị theo sổ kế toán so với giá trị thị trường để làm căn cứ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán chưa niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TIN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số khó đòi VND	
Phải thu của khách hàng	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-	(210.000.000)
- Phải thu hoạt động khác	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-	(210.000.000)
Trả trước cho người bán	22.638.385.174	-	72.311.434	66.890.834	22.643.805.774	-	-
- Trả trước tiền mua đất	22.638.385.174	-	-	-	22.638.385.174	-	-
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	-	-	72.311.434	66.890.834	5.420.600	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.841.500.000	-	145.462.305.474	144.113.805.474	4.190.000.000	-	-
- Ủy thác trước tiền bán chứng khoán	2.841.500.000	-	145.462.305.474	144.113.805.474	4.190.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	35.453.649.326	-	19.525.255.369	9.918.969.072	45.059.935.623	28.602.284.348	-
- Phí môi giới chứng khoán	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000	-	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư có phiếu	15.807.002.748	-	-	-	15.807.002.748	-	-
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	18.200.000.000	-	2.200.000.000	8.904.718.400	11.495.281.600	-	-
- Công ty TNHH Đất Việt Nam	60.490.000	-	-	20.900.000	39.590.000	-	-
- Cho khách hàng vay tiền theo dịch vụ hỗ trợ tài chính	-	-	2.226.750.000	-	2.226.750.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Triều	-	-	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-	-
- Phải thu khác	86.156.578	-	1.098.505.369	993.350.672	191.311.275	-	-
	61.233.534.500	-	165.059.872.277	154.099.665.380	72.193.741.397	28.602.284.348	(210.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	153.225.668	718.054.562
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	14.000.000.000
	153.225.668	14.718.054.562

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	259.674.360	1.505.810.000	2.921.676.561	4.687.160.921
Tăng do phân loại lại	60.000.000	-	259.674.360	319.674.360
Giảm do phân loại lại	(259.674.360)	-	(60.000.000)	(319.674.360)
Giảm khác (*)	-	-	(756.824.453)	(756.824.453)
Số dư cuối kỳ	60.000.000	1.505.810.000	2.364.526.468	3.930.336.468
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	259.674.360	1.050.929.907	2.782.437.294	4.093.041.561
Trích khấu hao	3.750.000	94.113.126	37.882.522	135.745.648
Tăng do phân loại lại	45.000.000	-	259.674.360	304.674.360
Giảm do phân loại lại	(259.674.360)	-	(45.000.000)	(304.674.360)
Giảm khác (*)	-	-	(756.824.453)	(756.824.453)
Số dư cuối kỳ	48.750.000	1.145.043.033	2.278.169.723	3.471.962.756
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	-	454.880.093	(5.704.113.855)	594.119.360
Số dư cuối kỳ	11.250.000	360.766.967	86.356.745	458.373.712

(*) Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tương ứng của các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	1.971.239.400
Số dư cuối kỳ	1.971.239.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.406.787.535
Trích khấu hao	188.730.458
Số dư cuối kỳ	1.595.517.993
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	564.451.865
Số dư cuối kỳ	375.721.407

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị tăng trưởng		Giảm so với giá trị tăng trưởng		Tổng giá trị theo giá trị tăng trưởng	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác										
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	54.000	54.000	540.000.000	540.000.000	-	-	-	-	540.000.000	540.000.000
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tin	480.000	480.000	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	(1.598.285.246)	(1.598.285.246)	3.201.714.754	3.201.714.754
			5.340.000.000	5.340.000.000	-	-	(1.598.285.246)	(1.598.285.246)	3.741.714.754	3.741.714.754

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	30.701.752.903	576.740.999
Số tăng trong kỳ	-	31.347.880.000
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(1.181.672.903)	(69.386.098)
Số dư cuối kỳ	29.520.080.000	31.855.234.901
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	29.520.080.000	30.616.760.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	84.992.903
	29.520.080.000	30.701.752.903

(*) Theo hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc.

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338.712.475	338.712.475
Tiền nộp bổ sung	372.796.927	372.796.927
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	153.226.637	153.226.637
Số dư cuối kỳ	864.736.039	864.736.039

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	62.554.414	26.792.095
	62.554.414	26.792.095

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	48.951.900	38.085.600
Bảo hiểm xã hội	315.897.893	163.612.493
Bảo hiểm y tế	110.141.775	85.692.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư (*)	5.627.334.392	5.803.712.939
Phải trả nhà đầu tư về lãi tiền gửi	21.384.578	19.053.097
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.665.000	100.289.886
	6.153.375.538	6.210.446.615

(*) Tiền của nhà đầu tư mở tài khoản để giao dịch chứng khoán

Cân đối tài sản và công nợ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán như sau:

	Số tiền
	VND
Tiền của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán tại quỹ	10.298.444
Tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	582.188.690
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	4.190.000.000
Cộng tiền của nhà đầu tư	4.782.487.134
Phải trả nhà đầu tư tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán	5.627.334.392
Cổ tức phải trả nhà đầu tư	65.884.184
Cộng phải trả của nhà đầu tư	5.693.218.576
Chênh lệch tiền và phải trả nhà đầu tư	(910.731.442)

Phần chênh lệch giữa tiền và công nợ với nhà đầu tư là do Công ty cho nhà đầu tư ứng trước tiền bán chứng khoán tại ngày T và chưa thực hiện chuyển tiền vào tài khoản tiền của nhà đầu tư. Đến ngày T+3, khi nhận được tiền thanh toán bù trừ, Công ty sẽ thực hiện bù trừ khoản tiền bán chứng khoán và tiền ứng trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

15 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012			
Số dư đầu năm	138.000.000.000	1.848.629.466	139.848.629.466
Lãi trong kỳ	-	91.757.077	91.757.077
Số dư cuối kỳ	138.000.000.000	1.940.386.543	139.940.386.543
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013			
Số dư đầu năm	138.000.000.000	(2.183.685.161)	135.816.314.839
Lỗ trong kỳ	-	(3.079.607.020)	(3.079.607.020)
Số dư cuối kỳ	138.000.000.000	(5.263.292.181)	132.736.707.819

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty TNHH Đất Việt Nam	48,70%	67.206.000.000	48,70%	67.206.000.000
Bà Hoàng Ngân Hà	48,31%	66.662.000.000	48,31%	66.662.000.000
Đối tượng khác	2,99%	4.132.000.000	2,99%	4.132.000.000
	100%	138.000.000.000	100%	138.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.000.000.000	138.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	138.000.000.000	138.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	138.000.000.000	138.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

16 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	1.371.517.972	4.396.956.236
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	992.605.369	4.325.465.458
- Doanh thu khác	378.912.603	71.490.778
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	1.371.517.972	4.396.956.236

17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.840.314.982	2.205.169.763
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	20.920.192
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	17.294.400
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	-	129.708.353
Chi phí khác	-	119.262.445
	2.840.314.982	2.492.355.153

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	540.038.142	1.281.596.611
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	81.763.417	81.036.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.608.252	167.997.148
Chi phí dự phòng	-	150.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	682.947.363	72.622.085
Chi phí khác bằng tiền	182.452.836	204.621.845
	1.610.810.010	1.957.873.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.079.607.020)	122.342.770
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(3.079.607.020)	122.342.770
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	-	30.585.693
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	30.585.693

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(3.079.607.020)	91.757.077
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(3.079.607.020)	91.757.077
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(223)	7

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.295.190.397	-	15.527.163.333	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	49.549.935.623	(210.000.000)	38.595.149.326	(210.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	14.782.372.100	(2.495.300)	14.782.372.100	-
Đầu tư dài hạn	5.340.000.000	(1.598.285.246)	5.340.000.000	(1.598.285.246)
Cộng	86.967.498.120	(1.810.780.546)	74.244.684.759	(1.808.285.246)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	6.519.446.449	6.726.696.711
Chi phí phải trả	-	29.109.465
Cộng	6.519.446.449	6.755.806.176

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.295.190.397	-	-	17.295.190.397
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	49.339.935.623	-	-	49.339.935.623
Đầu tư ngắn hạn	14.779.876.800	-	-	14.779.876.800
Đầu tư dài hạn	-	3.741.714.754	-	3.741.714.754
Cộng	<u>81.415.002.820</u>	<u>3.741.714.754</u>	<u>-</u>	<u>85.156.717.574</u>
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.527.163.333	-	-	15.527.163.333
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	38.385.149.326	-	-	38.385.149.326
Đầu tư ngắn hạn	14.782.372.100	-	-	14.782.372.100
Đầu tư dài hạn	-	3.741.714.754	-	3.741.714.754
Cộng	<u>68.694.684.759</u>	<u>3.741.714.754</u>	<u>-</u>	<u>72.436.399.513</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	6.519.446.449	-	-	6.519.446.449
	<u>6.519.446.449</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.519.446.449</u>
Tại 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	6.726.696.711	-	-	6.726.696.711
Chi phí phải trả	29.109.465	-	-	29.109.465
	<u>6.755.806.176</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.755.806.176</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền phí môi giới bán chứng khoán		
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín (*)	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu		
- Công ty CP Xăng dầu Việt Tín (*)	11.495.281.600	18.200.000.000
Phải thu khác		
- Công ty TNHH Đất Việt Nam (*)	39.590.000	60.490.000
Vốn góp		
- Công ty CP Đầu tư và kinh doanh BĐS Nam Hà Nội (*)	540.000.000	540.000.000
- Công ty CP Xăng dầu Việt Tín (*)	4.800.000.000	4.800.000.000

(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Việt Tín đồng thời là chủ tịch HĐQT của các công ty này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	18.130.111	147.338.000

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Thị Thanh Hải

Nguyễn Thị Năm



Ronald Nguyễn Anh Đạt



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	18.130.111	147.338.000

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Người lập

Phạm Thị Thanh Hải

Kế toán

Nguyễn Thị Năm

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ronald Nguyễn Anh Đạt

